TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 317/2019/QĐST-HNGĐ	*Lục Ngạn, ngày 14 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Nguyệt.

Bà Phạm Thị Đoàn.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 86/ 2019/TLST-.HNGĐ ngày 05 Tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lã Thị P** - Sinh năm 1995.

Trú tại: Thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh **Lục Văn H** - Sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lã Thị P và anh Lục Văn H đều thoả thuận thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Lã Thị P và anh Lục Văn H thỏa thuận:

Chị Lã Thị P nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lục Quang S, sinh ngày 16/12/2018; anh Lục Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lục Thị Ánh T, sinh ngày 18/01/2013. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Sau khi ly hôn, chị P, anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị Lã Thị P và anh Lục Văn H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật TTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Lã Thị P. Hoàn trả chị P 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0005334 ngày 05/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Lục Ngạn;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu h/s.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Ngọc Hà

Nơi nhận:
- VKSND Lục Ngạn;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ An;
- Lưu h/s.

THẨM PHÁN

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Ngọc Hà

(6)

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 40-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN……[(1)]

Số:……/……/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

…., ngày…… tháng …… năm ……

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng....năm....., giữa[(2)]:

.....**QUYẾT ĐỊNH**

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 59/2019/TLST/ HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Lý** - Sinh năm 1989.

***** Bị đơn: Anh **Nguyễn Danh Hiệu** - Sinh năm 1987.

Đều trú tại: Thôn Ngọc Nương, xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Lý và anh Nguyễn Danh Hiệu.

2. Sự thoả thuận các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Lý và anh Nguyễn Danh Hiệu đều thoả thuận thống nhất thuận tình ly hôn.

- ***Về quan hệ con chung***: Chị Lê Thị Lý và anh Nguyễn Danh Hiệu thỏa thuận:

Chị Lê Thị Lý nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Ngọc Hân, sinh ngày 04/5/2009. Tạm hoãn phần cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Danh Hiệu.

Sau khi ly hôn anh Hiệu có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- ***Về tài sản chung, công nợ chung***: Chị Lê Thị Lý và anh Nguyễn Danh Hiệu đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

*** Án phí**: Áp dụng Điều 147 Bộ luật TTDS, Điều 24, Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lã Thị Phương không phải chịu án phí sơ thẩm, chị Phương được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0005334 ngày 05/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Lã Thị Phương. Hoàn trả chị Phương 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0005334 ngày 05/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Khoản tiền tạm nộp dự phí 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số **AA/2018/0005306** ngày 19/02/2019 của chị Lê Thị Lý được trừ vào án phí, chị Lý được nhận lại 150.000đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND Lục Ngạn;*
- *TAND tỉnh Bắc Giang;*
- *Chi cục THADS Lục Ngạn;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Mỹ An;*
- *Lưu h/s.*

THẨM PHÁN

Khúc Văn Bằng